TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17/2019/QĐST-HNGĐ	*Bạc Liêu, ngày 28 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 17/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lê Quỳnh N,** sinh năm 1992.

Trú tại: Số C khóm H, phường B, thành phố S, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Trần Minh T**, sinh năm 1988.

Trú tại: Số L khóm M, phường M, thành phố S, tỉnh Bạc Liêu.

Tạm trú tại: Số C khóm H, phường B, thành phố S, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2019

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Quỳnh N và anh Trần Minh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Lê Quỳnh N và anh Trần Minh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Trần Lê A- sinh ngày 09/05/2017 cho chị Lê Quỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục (hiện cháu A đang sống cùng chị N). Anh Trần Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Từ tháng 02/2019 hàng tháng anh T có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng cho cháu A 1.000.000đ cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu

thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

-Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí:

Chị Lê Quỳnh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng. Chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000262 ngày 18/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, khấu trừ tiền án phí phải nộp chị N được hoàn lại 150.0000đ.

Anh Trần Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng.

- Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS Tp.Bạc Liêu;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

Tăng Trần Quỳnh Phương